

**Tấm kết nối**  
**VMPAL-AP-10-QS4-2**  
Số bộ phận: 560988

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Rộng                                  | 10.7 mm                                                       |
| Chiều dài                             | 107.3 mm                                                      |
| Kích thước lưới                       | 10.7 mm                                                       |
| Kích thước van                        | 10 mm                                                         |
| Số lượng tối đa vị trí van            | 1                                                             |
| Hướng dòng chảy                       | có thể đảo ngược                                              |
| Lắp cụm van                           | Kích thước van có thể trộn lẫn                                |
| Số lượng cuộn van tối đa              | 2                                                             |
| Áp suất vận hành                      | -0.09 MPA...1 MPA<br>-0.9 bar...10 bar                        |
| Áp suất điều khiển                    | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar                            |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 3 - ứng suất ăn mòn mạnh                                      |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...50 °C                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                  | 30 g                                                          |
| Cổng nối khí nén 2                    | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm                              |
| Cổng nối khí nén 4                    | đối với ống mềm Ø ngoài 4 mm                                  |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu tấm kết nối                  | PA gia cố                                                     |